

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2013

DỰ THẢO 01  
11-3-2013

## TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị định quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước**

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ Quyết định số 1473/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai và Danh mục nghị định quy định chi tiết thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Ngày 20/11/2012, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Xử lý vi phạm hành chính. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2013. Theo quy định tại Điều 142 Luật xử lý vi phạm hành chính: "*Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật*". Tại Điều 4 của Luật quy định: "*Căn cứ quy định của Luật này, Chính phủ quy định hành vi vi phạm hành chính; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước; chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính và quy định mẫu biên bản, mẫu quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính*".

Căn cứ và quy định nêu và phân công của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã thực hiện rà soát các quy định hiện hành liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ; trong đó có 4 lĩnh vực gồm: (i) quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; (ii) thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; (iii) dự trữ quốc gia và (iv) kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước, đối chiếu với tình hình thực tế triển khai và các quy định mới của Luật xử lý vi phạm hành chính. Kết quả rà soát cụ thể như sau:

**1. Trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công (tài sản nhà nước):** Chính phủ đã ban hành Nghị định số 66/2012/NĐ-CP ngày 6/9/2012 quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Bộ Tài chính cũng đã ban hành Thông tư số 14/2013/TT-BTC ngày 05/02/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 66/2012/NĐ-CP. Do các văn bản này mới được ban hành; vì vậy qua rà soát, đối chiếu, các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước cơ bản phù hợp với Luật xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, một số nội dung cũng cần được sửa đổi, bổ sung để đảm bảo thống nhất với Luật xử lý vi phạm hành chính và phù hợp với thực tiễn như: bổ sung thẩm quyền xử phạt của Trường đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở, cấp bộ; bổ sung thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính.v.v...

**2. Trong lĩnh vực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:** Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005 và có hiệu lực từ ngày 1/6/2006. Việc Chính phủ ban hành Nghị định số 84/2006/NĐ-CP ngày 18/8/2006 quy định về bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã tạo được khung pháp lý cao và đồng bộ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và nhân dân. Tuy nhiên, qua rà soát, đối chiếu, một số nội dung của Nghị định số 84/2006/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính cần được sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ để phù hợp với Luật xử lý vi phạm hành chính, đồng thời tránh trùng lặp với các quy định khác về xử phạt vi phạm hành chính như: bổ sung thẩm quyền xử phạt của Trường đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở, cấp bộ; bổ sung thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, điều chỉnh mức phạt tiền cho phù hợp với thực tế hiện nay và đảm bảo tương quan với các lĩnh vực khác có tính chất, mức độ, đối tượng vi phạm tương ứng; xử phạt các hành vi liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây lãng phí; bãi bỏ một số quy định đã được cụ thể hóa trong Luật xử lý vi phạm hành chính.v.v...

**3. Trong lĩnh vực dự trữ quốc gia:** Chính phủ đã ban hành Nghị định số 25/2007/NĐ-CP ngày 25/02/2007 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dự trữ quốc gia. Trong quá trình thực hiện, Nghị định số 25/2007/NĐ-CP cũng bộc lộ một số tồn tại, hạn chế chủ yếu sau đây:

a) Việc xác định người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dự trữ quốc gia cần phải quy định thêm.

Theo quy định tại Nghị định số 25/2007/NĐ-CP thì chỉ thanh tra viên thuộc Bộ Tài chính đang thi hành công vụ, Chánh Thanh tra Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mới có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dự trữ quốc gia. Trên thực tế, sự bó hẹp phạm vi người có thẩm quyền xử phạt như quy định tại Nghị định số 25/2007/NĐ-CP đã khiến nhiều hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực dự trữ quốc gia không được xử lý và ngăn chặn kịp thời như hành vi hành vi xâm phạm trái phép vào cơ sở vật chất - kỹ thuật, kho bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

Đối với hành vi này, Chủ tịch UBND cấp xã nơi xảy ra hành vi vi phạm không có thẩm quyền xử phạt mà phải làm hồ sơ báo cáo người có thẩm quyền là UBND cấp tỉnh hoặc Chánh thanh tra Bộ Tài chính để xử phạt. Việc báo cáo như vậy sẽ mất nhiều thời gian và thủ tục, không kịp thời, không sát thực tế ảnh hưởng trực tiếp đến sự an toàn của hàng dự trữ quốc gia.

Mặt khác, Luật thanh tra và Luật xử lý vi phạm hành chính đã có quy định mở rộng phạm vi người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước chuyên ngành như dự trữ quốc gia.

b) Một số hành vi vi phạm hành chính còn trùng lặp với các quy định của các Nghị định khác.

Trong thời gian gần 05 năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều nghị định liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính trong đó có hành vi vi phạm hành chính liên quan dự trữ quốc gia như vi phạm quy định về bí mật nhà nước trong lĩnh vực dự trữ quốc gia. Việc xử phạt hành vi này cũng được quy định tại nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến an ninh và trật tự, an toàn xã hội (hành vi vi phạm về bảo mật trong dự trữ quốc gia);

Việc trùng lặp với các quy định của Nghị định khác về cùng một nội dung xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dự trữ quốc gia đã dẫn đến những khó khăn, vướng mắc cho người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt.

c) Một số nội dung của Nghị định số 25/2007/NĐ-CP chưa đảm bảo sự phù hợp và thống nhất với các quy định của các Luật mới ban hành.

Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định thêm các cá nhân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dự trữ quốc gia như: Cục trưởng cục Dự trữ khu vực nhà nước, Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ nhà nước, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành về dự trữ quốc gia (Điều 46 Luật xử lý vi phạm hành chính). Những chức danh này hiện nay không được quy định trong Nghị định số 25/2007/NĐ-CP. Do vậy, cần thiết phải bổ sung nội dung này. Bên cạnh đó, mức xử phạt tiền tối đa đối với các vi phạm hành chính trong lĩnh vực dự trữ quốc gia đã được giới hạn lại theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính. Điều này cũng đặt ra yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan đến mức phạt tiền tại Nghị định số 25/2007/NĐ-CP. Bên cạnh đó, một số quy định hiện hành tại Nghị định này không còn phù hợp với phạm vi hướng dẫn Luật xử lý vi phạm hành chính của Chính phủ như quy định về khen thưởng, xử lý vi phạm, về nội dung này đã được quy định cụ thể, chi tiết tại Luật Khiếu nại, tố cáo, Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành; một số từ và cụm từ được thay đổi trong quy định của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Ngoài những tồn tại, hạn chế chủ yếu như trên, thực tiễn thi hành Nghị định số 25/2007/NĐ-CP còn phát sinh nhiều vấn đề khó khăn khác như: Không phân định thẩm quyền rõ ràng giữa các cá nhân có thẩm quyền xử phạt gây ra sự chồng chéo; không có quy định về thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực dự trữ quốc gia.

**4. Trong lĩnh vực kho bạc nhà nước:** Điều 73 Luật ngân sách nhà nước (NSNN) quy định: “Tổ chức cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật”.

Quản lý chi NSNN là một lĩnh vực quan trọng của quản lý NSNN nói riêng và quản lý tài chính nhà nước nói chung. Trong quản lý chi ngân sách thì kiểm soát chi đảm bảo các khoản chi NSNN đúng các điều kiện chi ngân sách theo quy định, góp phần thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu ngân sách. Lĩnh vực này cũng cần có chế tài hành chính do nhà nước quy định để đảm bảo việc chấp hành các quy định về quản lý chi ngân sách của các đơn vị sử dụng ngân sách, cơ quan kiểm soát chi.

Thực tiễn triển khai công tác kiểm soát chi NSNN qua KBNN những năm vừa qua cho thấy có nhiều trường hợp các đơn vị sử dụng ngân sách vi phạm các quy định về điều kiện chi NSNN, vi phạm quy trình, thủ tục chi dẫn đến KBNN phải từ chối thanh toán. Các hành vi vi phạm thường xảy ra đó là: Chi vượt dự toán hoặc chi vượt giá trị hợp đồng; chi chưa đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức; thiếu hồ sơ, chứng từ kiểm soát chi; hoặc hồ sơ, chứng từ chưa hợp lệ, hợp pháp; vi phạm chế độ thanh toán chi trả ngân sách nhà nước qua KBNN; chưa chấp hành đầy đủ thủ tục chi ngân sách đối với từng nội dung chi (thủ tục đấu thầu, thủ tục thẩm định giá, thủ tục chi nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ...).

Thực tế vi phạm các quy định trong lĩnh vực chi NSNN diễn ra hằng năm khá lớn và số lượt các đơn vị vi phạm cũng tăng qua các năm. Một trong những nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trên là Nhà nước chưa có chế tài xử phạt, đặc biệt là xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước.

Căn cứ vào các quy định và thực tế nêu trên, để thực hiện Luật xử lý vi phạm hành chính và Kế hoạch của Chính phủ về việc triển khai Luật xử lý vi phạm hành chính, việc Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước là cần thiết và có cơ sở pháp lý.

## **II. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH**

Dự thảo Nghị định được bố cục gồm 6 Chương với 65 điều, quy định các nội dung chủ yếu như sau:

### **1. Chương I: Quy định chung.**

Chương này gồm 6 điều, quy định các nội dung sau đây:

#### **1.1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)**

Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết

kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

Các hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực nói trên không được quy định tại Nghị định này nhưng đã được quy định trong các luật, pháp lệnh, nghị định có liên quan thì xử phạt theo quy định tại các văn bản đó.

### 1.2. Đối tượng áp dụng (Điều 2):

Cơ quan, tổ chức, đơn vị (sau đây gọi chung là tổ chức), cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, pháp luật về thực hành tiết kiệm chống lãng phí, pháp luật về dự trữ quốc gia, pháp luật về kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính thì bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

Cơ quan, người có thẩm quyền và trách nhiệm xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

### 1.3. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính (Điều 3):

Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Tuy nhiên, do các tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này bao gồm cả các cơ quan, đơn vị, tổ chức của Nhà nước. Vì vậy, để đảm bảo tính răn đe, dự thảo quy định không được sử dụng tiền ngân sách nhà nước hoặc tiền có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để nộp phạt và khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm của mình gây ra. Trường hợp xử phạt tổ chức thì sau khi chấp hành quyết định xử phạt, tổ chức bị xử phạt xác định cá nhân có lỗi gây ra vi phạm hành chính để xác định trách nhiệm pháp lý, bao gồm cả việc nộp lại khoản tiền phạt và khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm của mình gây ra tương ứng với mức độ vi phạm của cá nhân đó theo quy định của pháp luật và Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của tổ chức.

### 1.4. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính (Điều 4):

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước quy định tại Nghị định này là một (01) năm, riêng đối với các hành vi vi phạm liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản nhà nước là nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp là hai (02) năm, kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện.

Nếu quá thời hạn này thì không bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng vẫn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả và phải bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra theo quy định tại Nghị định này.

### 1.5. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả (Điều 5):

Dự thảo quy định hình thức xử phạt chính bao gồm: Cảnh cáo và phạt tiền. Hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

Biện pháp khắc phục hậu quả: Tùy theo lĩnh vực vi phạm, tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả được quy định cụ thể tại các Chương II, III, IV và V Nghị định này.

### **2. Chương II: Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước**

Chương này gồm 4 Mục với 22 Điều (từ Điều 7 đến Điều 29), quy định về hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; trong quản lý, sử dụng tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước; trong quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước và thẩm quyền xử phạt.

Nội dung của Chương này cơ bản kế thừa các quy định tại Nghị định số 66/2012/NĐ-CP, đồng thời, sửa đổi, bổ sung một số nội dung gồm:

a) Bổ sung thẩm quyền xử phạt của Trường đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở, cấp bộ cho phù hợp với Luật xử lý vi phạm hành chính (Điều 27);

b) Quy định thẩm quyền phạt tiền, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm của từng chức danh tương ứng với từng đối tượng bị xử phạt (tổ chức, cá nhân) theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính (Điều 26, Điều 27);

c) Bổ sung thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước (Điều 29);

d) Bỏ biện pháp khắc phục hậu quả “Tức quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc không thời hạn” quy định tại khoản 4 Điều 16 và khoản 4 Điều 19 của Nghị định số 66/2012/NĐ-CP để tránh trùng lặp với quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá (đối với thẻ thẩm định viên về giá) và lĩnh vực tư pháp (đối với thẻ đấu giá viên).

đ) Bỏ một số nội dung quy định Nghị định số 66/2012/NĐ-CP đã được quy định cụ thể trong Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định chung quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật như: tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ; quản lý, sử dụng tiền thu được từ xử phạt vi phạm hành chính; các mẫu quyết định và biên bản xử phạt; thủ tục xử phạt, thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

### **3. Chương III: Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

Chương này gồm 2 Mục với 8 Điều (từ Điều 30 đến Điều 37), quy định về hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và thẩm quyền xử phạt. Nội dung Chương

này kế thừa các quy định về xử phạt vi phạm trong lĩnh vực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại Nghị định số 84/2007/NĐ-CP; đồng thời, sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

a) Để tránh trùng lặp với quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, dự thảo bổ sung một số quy định như sau:

- Bổ sung một đoạn sau khoản 2 Điều 30 quy định về hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước gây lãng phí như sau:

*“Đối với hành vi sử dụng phương tiện đi lại, phương tiện thiết bị làm việc vượt quá tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan có thẩm quyền ban hành gây lãng phí thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.”*

- Bổ sung một đoạn sau khoản 1 Điều 32 quy định về xử phạt tổ chức có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc của tổ chức sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước như sau:

*“Đối với hành vi vi phạm quy định về định mức, tiêu chuẩn chế độ trong sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước gây lãng phí thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.”*

b) Điều chỉnh mức phạt tiền tương đương với phạt cảnh cáo quy định tại khoản 1 Điều 29 để đảm bảo tính răn đe trong triển khai thực hiện xử phạt vi phạm hành chính, đồng thời đảm bảo tương quan chung mức phạt tiền giữa các lĩnh vực dự trữ quốc gia, Kho bạc Nhà nước và quản lý, sử dụng tài sản nhà nước quy định trong dự thảo Nghị định, cụ thể tăng mức phạt tiền tương đương với phạt cảnh cáo từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng lên mức 300.000 đồng đến 500.000 đồng.

c) Bỏ các nội dung quy định về giao quyền trong xử phạt vi phạm hành chính, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính và thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, củng cố thi hành trong Nghị định 84/2006/NĐ-CP do các nội dung này đã được quy định cụ thể tại Luật Xử lý vi phạm hành chính.

d) Bổ sung thẩm quyền xử phạt của Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp bộ và tăng mức phạt tối đa của Chánh Thanh tra sở, các chức danh tương đương được Chính phủ giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành để đảm bảo phù hợp với Luật xử lý vi phạm hành chính.

đ) Về bồi thường thiệt hại đối với tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí: dự thảo Nghị định xây dựng theo hướng dẫn chiếu quy định ở Nghị định 84/2007/NĐ-CP vì:

- Bồi thường thiệt hại về tiết kiệm, chống lãng phí là bồi thường do gây lãng phí, không phải bồi thường do gây thiệt hại theo Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Thực hiện nguyên tắc chỉ đưa các nội dung hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí vào dự thảo Nghị định này.

Theo đó, tại Điều 5 nội dung xử phạt trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí về các hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, bổ sung một điểm dẫn chiếu về bồi thường thiệt hại, cụ thể như sau:

*“3. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã bị xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định này nếu gây lãng phí thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại Nghị định số 84/2006/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2006 quy định về bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.”*

#### **4. Chương IV: Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dự trữ quốc gia**

Chương này gồm 2 Mục với 16 Điều (từ Điều 38 đến Điều 53), quy định về hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực dự trữ quốc gia và thẩm quyền xử phạt. Các nội dung sửa đổi, bổ sung bao gồm:

##### **a) Bổ sung hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả**

- Ngoài hình thức xử phạt chính là phạt tiền và phạt cảnh cáo như Nghị định 25, Dự thảo bổ sung hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính. Trên thực tế, đã có những cá nhân sử dụng phương tiện để cản trở hoạt động dự trữ quốc gia, vi phạm cơ sở vật chất - kỹ thuật, kho bảo quản hàng dự trữ quốc gia. Do vậy, cần thiết phải bổ sung hình thức xử phạt này.

- Theo quy định tại Điều 13 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì người vi phạm hành chính trong lĩnh vực dự trữ quốc gia nếu gây ra thiệt hại thì phải bồi thường. Việc bồi thường thiệt hại được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự. Vì vậy, những quy định liên quan đến bồi thường thiệt hại trong Nghị định 25 không được coi là biện pháp khắc phục hậu quả. Để thực hiện Điều 13 trên, Dự thảo đã bỏ những quy định liên quan đến buộc bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại do hành vi vi phạm hành chính gây ra.

- Để khắc phục kịp thời mọi hậu quả do vi phạm hành chính trong lĩnh vực dự trữ quốc gia, Dự thảo bổ sung 04 biện pháp khắc phục hậu quả sau: (1) buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật; (2) buộc thu hồi hàng dự trữ quốc gia do cấp, xuất không đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; (3) buộc tiếp nhận hàng dự trữ quốc gia theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; (4) buộc phân phối hàng dự trữ quốc gia theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Bổ sung các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dự trữ quốc gia

- Hiện nay, theo quy định của Luật Dự trữ quốc gia thì ngoài Bộ Tài chính là cơ quan trực tiếp tổ chức quản lý, bảo quản hàng dự trữ quốc gia thì các cơ quan khác như Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng tham gia vào hoạt động quản lý nhà nước về dự trữ quốc gia. Do vậy, thanh tra viên, chánh thanh tra cấp bộ và chánh thanh tra cấp sở tại địa phương có các hoạt động thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực dự trữ quốc gia theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 07/2012/NĐ-CP. Hơn nữa, theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì thanh tra viên, người được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành; Chánh Thanh tra sở, Chánh Thanh tra cấp bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước, trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành có quyền xử phạt vi phạm hành chính nếu được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về lĩnh vực dự trữ quốc gia. Do vậy, dự thảo bổ sung thêm các chức danh thanh tra có thẩm quyền xử phạt trong lĩnh vực dự trữ quốc gia cho phù hợp.

Bên cạnh việc mở rộng thẩm quyền của thanh tra, dự thảo cũng bổ sung thêm 02 chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dự trữ quốc gia là Chủ tịch UBND cấp xã và Chủ tịch UBND cấp huyện. Tuy nhiên, để phù hợp với chức năng quản lý nhà nước tại địa phương của UBND các cấp, Dự thảo đã giới hạn thẩm quyền xử phạt đối của hai cơ quan này đối với một số hành vi vi phạm hành chính cụ thể trong lĩnh vực dự trữ quốc gia như hành vi cản trở hoạt động dự trữ quốc gia, kinh doanh, cầm cố, thế chấp, cho thuê, khai thác trái phép tài sản dự trữ quốc gia.

c) Bỏ một số điều để đảm bảo nguyên tắc thống nhất và tránh trùng lặp của hệ thống pháp luật

Để thực hiện khoản 2 Điều 5 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật Xử lý vi phạm hành chính, Dự thảo đã bãi bỏ Chương IV Khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm. Toàn bộ nội dung của Chương này đã được quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và các quy định về xử lý vi phạm trong pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và hình sự.

Tương tự như trên, dự thảo bãi bỏ các quy định về trách nhiệm phối hợp xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dự trữ quốc gia (Điều 4); thời hiệu xử phạt (Điều 5); những trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính (Điều 6); chấp hành quyết định xử phạt hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Điều 21); chuyển hồ sơ vi phạm hành chính trong lĩnh vực dự trữ quốc gia để truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 22). Các nội dung này đã được quy định cụ thể tại Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Riêng đối với quy định tại Điều 18 Nghị định 25 về vi phạm quy định về bí mật nhà nước trong lĩnh vực dự trữ quốc gia đã có quy định tại Điều 25 về vi phạm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước tại Nghị định số 73/2010/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội. Do vậy, Điều này cần phải bãi bỏ để tránh trùng lặp.

Ngoài các nội dung sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trên, Dự thảo còn bổ sung quy định về thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực dự trữ quốc gia; bổ sung hành vi không thực hiện đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về điều chuyển nội bộ hàng dự trữ quốc gia.

## **5. Chương V: Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước**

Chương này gồm 3 Mục với 10 Điều (từ Điều 54 đến Điều 63), quy định về hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực kiểm soát chi ngân sách nhà nước và thẩm quyền xử phạt.

a) Quy định xử phạt đối với tổ chức có hành vi vi phạm quy định về điều kiện chi NSNN, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục (mục 1)

- Đây là các hành vi của tổ chức đề nghị KBNN thanh toán, chi trả NSNN, mà khoản chi phạm các điều kiện chi NSNN quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật NSNN, gồm: (i) vi phạm quy định về khoản chi NSNN phải có trong dự toán được cơ quan có thẩm quyền giao; (ii) vi phạm quy định khoản chi NSNN phải được thủ trưởng đơn vị quyết định chi; (iii) vi phạm quy định chi NSNN phải đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; (iv) vi phạm điều kiện chi NSNN phải thực hiện đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Về mức xử phạt: các hành vi tại mục này đều có hình thức xử phạt chính là phạt tiền, với mức xử phạt tương đương với mức xử phạt của hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với việc quản lý, sử dụng kinh phí NSNN từ 2 triệu đến 6 triệu đồng; riêng có 2 hành vi quy định tại khoản 1 Điều 54 và khoản 1 Điều 55 được áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo hoặc tương đương phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1 triệu đồng.

Ngoài ra, tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại mục này, nếu đề nghị chi NSNN đã được KBNN thanh toán còn bị áp dụng biện pháp khắc phục: buộc phải thu hồi số đã chi sai chế độ quy định; buộc phải thực hiện các thủ tục đấu thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.

b) Quy định xử phạt đối với tổ chức có hành vi vi phạm quy định về thủ tục kiểm soát chi NSNN, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục (mục 2):

- Đây là các hành vi của tổ chức đề nghị KBNN thanh toán, chi trả NSNN vi phạm thủ tục kiểm soát chi NSNN qua KBNN, gồm: (i) vi phạm quy định về hồ sơ, chứng từ kiểm soát chi ngân sách nhà nước; (ii) vi phạm chế độ thanh toán; (iii) vi phạm thủ tục kiểm soát cam kết chi; (iv) vi phạm thời hạn thanh toán tạm ứng ngân sách nhà nước.

- Về mức xử phạt: các hành vi quy định tại mục này đều có hình thức xử phạt cảnh cáo (đối với những hành vi vi phạm không nghiêm trọng về thủ tục kiểm soát chi). Đối với các hành vi vi phạm tương đối nghiêm trọng, áp dụng hình thức phạt tiền, mức xử phạt từ 2 triệu đồng đến 4 triệu đồng. Riêng hành vi giả mạo hồ sơ, chứng từ chi NSNN, áp dụng mức xử phạt nghiêm khắc từ 30 triệu đồng đến 50 triệu đồng.

c) Thẩm quyền xử phạt (mục 3)

Theo quy định tại Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính, đối với lĩnh vực kiểm soát chi NSNN qua KBNN có 2 nhóm Người có thẩm quyền xử phạt là thanh tra (bao gồm thanh tra tài chính và công chức KBNN được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành) và Thủ trưởng KBNN – cơ quan được giao chức năng thanh tra chuyên ngành (bao gồm: Giám đốc KBNN tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tổng Giám đốc KBNN).

- Về thẩm quyền xử phạt tối đa: do các hành vi vi phạm trong lĩnh vực kiểm soát chi NSNN qua KBNN là hành vi của các cơ quan, đơn vị, tổ chức (đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư); khung xử phạt tiền thấp do chủ yếu mang tính răn đe là chính nên quy định thẩm quyền xử phạt tối đa đối với các chức danh trên đều không vượt mức tối đa được phép áp dụng trong Luật.

**6. Chương VI: Điều khoản thi hành**

Chương này gồm 2 Điều (Điều 64 và Điều 65) quy định hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện.

Về hiệu lực thi hành: Để đảm bảo việc triển khai đồng bộ Luật xử lý vi phạm hành chính, dự thảo quy định Nghị định sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật có hiệu lực thi hành (ngày 01/7/2013).

**III. Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG VÀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP**

.....

Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thành viên Ban soạn thảo Nghị định;
- Lưu: VT, QLCS.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Hữu Chí**

g) Thêm quyền xử phạt (mục 3)

Theo quy định tại Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính, đối với lỗi  
vi phạm một số chỉ NSNN qua KBNN có 2 nhóm Người có thẩm quyền xử phạt là  
thanh tra (bao gồm thanh tra tài chính và công chức KBNN được giao nhiệm vụ  
thanh tra chuyên ngành) và Thủ trưởng KBNN - có quyền được giao chức năng  
thanh tra chuyên ngành (bao gồm: Giám đốc KBNN tỉnh, thành phố trực thuộc  
Trung ương và Tổng Giám đốc KBNN).

- Về thẩm quyền xử phạt tối đa: do các hành vi vi phạm trong lĩnh vực  
kiểm soát chi NSNN qua KBNN là hành vi của các cơ quan, đơn vị, tổ chức  
(đơn vị sự dụng ngân sách, chủ đầu tư), không xử phạt tiền theo do chủ yếu  
mang tính tôn trọng là chính nên quy định thẩm quyền xử phạt tối đa đối với các  
chức danh trên đây không vượt mức tối đa được phép áp dụng trong Luật.

đ. Chương VI: Điều khoản thi hành

Chương này gồm 2 Điều (Điều 64 và Điều 65) quy định hiệu lực thi hành  
và tổ chức thực hiện

Về hiệu lực thi hành: Để đảm bảo việc triển khai đồng bộ Luật xử lý vi  
phạm hành chính, ưu tiên quy định Nghị định sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày  
Luật có hiệu lực thi hành (ngày 01/7/2013)

HI Y KIẾN THAM GIA CỦA CÁC BỘ NGÀNH, ĐỊA THƯƠNG VÀ Y KIẾN  
THAM BÌNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

Bộ Tài chính kiến nghị Chính phủ xem xét, ban hành.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỊ TRUONG

Yêu cầu:  
- Thành viên Ban soạn thảo Nghị định  
- Lưu VT, QCS

Nguyễn Hữu Chí

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2013/NĐ-CP

**DỰ THẢO 01**  
**11-3-2013**

Hà Nội, ngày tháng năm 2013

## NGHỊ ĐỊNH

**Quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;*

*Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;*

*Căn cứ Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Căn cứ Luật dự trữ quốc gia ngày 20 tháng 11 năm 2012;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.*

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

2. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước (bao gồm: tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước; tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước); thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kiểm soát chi ngân sách

nhà nước qua Kho bạc Nhà nước được quy định cụ thể tại các Chương II, III, IV, và V Nghị định này.

3. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước không được quy định tại Nghị định này nhưng đã được quy định trong các luật, pháp lệnh, nghị định có liên quan thì xử phạt theo quy định tại các văn bản đó.

4. Nghị định này không áp dụng đối với các hành vi vi phạm có liên quan đến các khoản chi ngân sách nhà nước mà Kho bạc Nhà nước không có trách nhiệm kiểm soát chi theo quy định của pháp luật.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị (sau đây gọi chung là tổ chức), cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, pháp luật về thực hành tiết kiệm chống lãng phí, pháp luật về dự trữ quốc gia, pháp luật về kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước (trừ ngân sách cấp xã) mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính thì bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền và trách nhiệm xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

## **Điều 3. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính**

1. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này không được sử dụng tiền ngân sách nhà nước hoặc tiền có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để nộp phạt và khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm của mình gây ra. Trường hợp xử phạt tổ chức thì sau khi chấp hành quyết định xử phạt, tổ chức bị xử phạt xác định cá nhân có lỗi gây ra vi phạm hành chính để xác định trách nhiệm pháp lý, bao gồm cả việc nộp lại khoản tiền phạt và khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm của mình gây ra tương ứng với mức độ vi phạm của cá nhân đó theo quy định của pháp luật và Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của tổ chức.

3. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước bị xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; trường hợp không thuộc đối tượng bị xử phạt hành chính thì bị xử lý theo quy định của Luật cán bộ, công chức, Luật viên chức, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, Luật dự trữ quốc gia và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

#### 4. Áp dụng mức xử phạt:

a) Trong trường hợp Nghị định quy định cụ thể đối tượng bị xử phạt là tổ chức hay cá nhân thì các mức xử phạt quy định tại Nghị định này được áp dụng tương ứng đối với hành vi vi phạm của tổ chức hoặc cá nhân.

b) Trong trường hợp Nghị định không quy định cụ thể đối tượng bị xử phạt là tổ chức hay cá nhân hoặc quy định đối tượng xử phạt bao gồm cả tổ chức và cá nhân thì các mức phạt tiền quy định tại Nghị định này là mức phạt áp dụng đối với cá nhân; tổ chức có cùng hành vi vi phạm thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

### **Điều 4. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính**

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước quy định tại Nghị định này là một (01) năm, riêng đối với các hành vi vi phạm liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản nhà nước là nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp là hai (02) năm, kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện.

Nếu quá thời hạn này thì không bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng vẫn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả và phải bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính.

### **Điều 5. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả**

#### 1. Hình thức xử phạt chính:

Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kiểm soát

chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước, tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tiền phạt tối đa của khung tiền phạt. Mức trung bình của khung tiền phạt được xác định bằng cách chia đôi tổng số của mức tối thiểu cộng với mức tối đa.

## 2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

## 3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả được quy định cụ thể tại các Chương II, III, IV và V Nghị định này.

4. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã bị xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định này nếu gây lãng phí thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại Nghị định số 84/2006/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2006 quy định về bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

## **Điều 6. Áp dụng quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính**

1. Tình tiết giảm nhẹ hoặc tình tiết tăng nặng; thời hạn xử phạt; những trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính; thủ tục xử phạt; việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính, nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; thủ tục tịch thu và xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; việc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, hoãn chấp hành quyết định phạt tiền, cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và chuyển quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kiểm soát chi ngân sách nhà

nước qua Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số .../2013/NĐ-CP ngày .../.../2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Mẫu biên bản và quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số.../2013/NĐ-CP ngày .../.../2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính.

## **Chương II**

### **XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC**

#### **Mục 1**

#### **HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

#### **Điều 7. Xử phạt tổ chức có hành vi vi phạm quy định về mua sắm tài sản nhà nước**

1. Xử phạt tổ chức có hành vi thực hiện mua sắm tài sản khi chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tài sản là máy móc, trang thiết bị làm việc, tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có tổng giá trị một lần mua dưới 100.000.000 đồng (sau đây gọi chung là tài sản có tổng giá trị một lần mua dưới 100.000.000 đồng);

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tài sản là máy móc, trang thiết bị làm việc, tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) có tổng giá trị một lần mua từ 100.000.000 đồng trở lên (sau đây gọi chung là tài sản có tổng giá trị một lần mua từ 100.000.000 đồng trở lên) và xe ô tô;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi không thực hiện mua sắm tập trung đối với các loại tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung theo quy định của pháp luật.

3. Xử phạt tổ chức có hành vi mua sắm tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi mua sắm tài sản có giá trị vượt dưới 50.000.000 đồng so với tiêu chuẩn, định mức quy định;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi mua sắm tài sản có giá trị vượt từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng so với tiêu chuẩn, định mức quy định;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi mua sắm tài sản có giá trị vượt từ 100.000.000 đồng trở lên so với tiêu chuẩn, định mức quy định.

4. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức vi phạm các quy định tại Điều này còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

b) Buộc phải nộp lại số tiền tương ứng với giá trị tài sản mua sắm vượt tiêu chuẩn, định mức quy định;

c) Bị thu hồi tài sản nhà nước.

### **Điều 8. Xử phạt tổ chức có hành vi vi phạm quy định về thuê tài sản**

1. Xử phạt tổ chức có hành vi thực hiện thuê tài sản khi chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền, thuê tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức, lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản không đúng quy định:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tài sản có giá trị hợp đồng thuê dưới 100.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tài sản có giá trị hợp đồng thuê từ 100.000.000 đồng trở lên.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức vi phạm các quy định tại khoản 1 Điều này còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

b) Hủy hợp đồng hoặc điều chỉnh lại hợp đồng thuê tài sản; bồi thường số tiền bị phạt do phải hủy hoặc điều chỉnh hợp đồng kinh tế (nếu có).

**Điều 9. Xử phạt tổ chức có hành vi bố trí, sử dụng tài sản nhà nước vượt tiêu chuẩn, định mức**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi bố trí, sử dụng tài sản có giá trị vượt dưới 50.000.000 đồng so với tiêu chuẩn, định mức.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi bố trí, sử dụng tài sản có giá trị vượt từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng so với tiêu chuẩn, định mức.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi bố trí, sử dụng tài sản có giá trị vượt từ 100.000.000 đồng trở lên so với tiêu chuẩn, định mức.

4. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức vi phạm các quy định tại Điều này còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

b) Buộc phải nộp lại số tiền thiệt hại do việc bố trí, sử dụng tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức quy định gây ra;

c) Bị thu hồi tài sản nhà nước.

**Điều 10. Xử phạt tổ chức có hành vi bố trí, sử dụng tài sản nhà nước không đúng mục đích**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi bố trí, sử dụng tài sản là máy móc, trang thiết bị làm việc, tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100.000.000 đồng trên một đơn vị tài sản (sau đây gọi chung là tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng) không đúng mục đích.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi bố trí, sử dụng tài sản là máy móc, trang thiết bị làm việc, tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100.000.000 đồng trở lên trên một đơn vị tài sản (sau đây gọi chung là tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên) và xe ô tô không đúng mục đích.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi bố trí, sử dụng tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp không đúng mục đích.

4. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức vi phạm các quy định tại Điều này còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải bồi thường bằng tiền hoặc tài sản có công năng sử dụng tương đương với tài sản ban đầu;

c) Bị thu hồi tài sản nhà nước sử dụng sai mục đích.

### **Điều 11. Xử phạt tổ chức có hành vi cho mượn tài sản nhà nước không đúng quy định**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi cho mượn tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cho mượn tài sản là xe ô tô; tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cho mượn tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

4. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức vi phạm các quy định tại Điều này còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải bồi thường bằng tiền hoặc tài sản có công năng sử dụng tương đương với tài sản ban đầu;

c) Bồi thường thiệt hại do hành vi cho mượn tài sản gây ra;

d) Bị thu hồi tài sản nhà nước cho mượn không đúng quy định.

**Điều 12. Xử phạt tổ chức có hành vi biếu, tặng cho, trao đổi tài sản nhà nước không đúng quy định**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi biếu, tặng cho, trao đổi tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi biếu, tặng cho, trao đổi tài sản là xe ô tô; tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi biếu, tặng cho, trao đổi tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

4. Ngoài hình thức xử phạt quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều này, tổ chức vi phạm còn bị áp dụng biện pháp thu hồi đối với tài sản biếu, tặng cho, trao đổi không đúng quy định.

**Điều 13. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi lấn chiếm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp**

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi lấn chiếm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định tại Điều này còn bị tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính và áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và trả lại trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp bị lấn chiếm;

b) Buộc phá dỡ công trình đã xây dựng trên phần diện tích lấn chiếm;

c) Buộc phải nộp lại số tiền thiệt hại do hành vi lấn chiếm gây ra.

**Điều 14. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản nhà nước**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản nhà nước mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định tại Điều này còn bị tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra để trả lại tổ chức; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải bồi thường bằng tiền hoặc tài sản có công năng sử dụng tương đương với tài sản ban đầu;

b) Buộc phải nộp lại số tiền thiệt hại do hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản nhà nước gây ra.

**Điều 15. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết không đúng quy định**

1. Xử phạt tổ chức có hành vi sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết khi chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tài sản là xe ô tô; tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

2. Xử phạt tổ chức có hành vi sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao của đơn vị:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tài sản là xe ô tô; tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

3. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về xác định giá trị của tài sản khi sử dụng tài sản vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tài sản là xe ô tô; tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

4. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định tại Điều này còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải bồi thường bằng tiền hoặc tài sản có công năng sử dụng tương đương với tài sản ban đầu;

c) Bị thu hồi tài sản nhà nước;

d) Buộc phải nộp ngân sách nhà nước khoản tiền thu được từ việc sử dụng tài sản vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết không đúng quy định.

#### **Điều 16. Xử phạt tổ chức có hành vi không thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo quy định của pháp luật và dự toán được giao**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi không thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi không thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản là xe ô tô; tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi không thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

4. Ngoài hình thức xử phạt quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, tổ chức vi phạm còn bị buộc phải thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo chế độ quy định và dự toán được giao.

#### **Điều 17. Xử phạt tổ chức có hành vi vi phạm quy định về xử lý tài sản nhà nước**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức có một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện kê khai, lập phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản nhà nước; di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở khác phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị theo quy định của pháp luật;

b) Không xử lý hoặc báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời đối với tài sản không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả;

c) Không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi thiếu trách nhiệm trong việc bảo quản tài sản nhà nước gây hư hỏng, thất thoát tài sản.

3. Xử phạt tổ chức có hành vi xử lý tài sản khi chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tài sản là xe ô tô; tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

4. Xử phạt tổ chức có hành vi kê khai không đúng danh mục, hiện trạng tài sản đề nghị xử lý:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tài sản là xe ô tô; tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

5. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức vi phạm quy định tại Điều này còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải bồi thường bằng tiền hoặc tài sản có công năng sử dụng tương đương với tài sản ban đầu;

c) Buộc phải nộp lại số tiền tương ứng với giá trị tài sản bị thất thoát, hư hỏng.

### **Điều 18. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về tổ chức xử lý tài sản nhà nước**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức có một trong các hành vi sau đây:

a) Quá thời hạn quy định mà vẫn chưa triển khai thực hiện phương án xử lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Không thực hiện bàn giao tài sản có quyết định điều chuyển, thu hồi cho cơ quan tiếp nhận đúng thời hạn;

c) Vi phạm các quy định về thành lập Hội đồng xác định giá, Hội đồng thẩm định giá, Hội đồng bán đấu giá tài sản, Hội đồng tiêu hủy tài sản.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức có một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm quy định về lựa chọn tổ chức thẩm định giá, tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để xử lý tài sản theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc thông báo công khai bán đấu giá tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

3. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về xác định giá trị của tài sản, tổ chức bán đấu giá tài sản:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tài sản là xe ô tô; tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

4. Ngoài hình thức xử phạt quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị buộc phải thực hiện tổ chức xử lý tài sản theo quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

#### **Điều 19. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về việc đăng nhập và sử dụng số liệu về tài sản nhà nước**

Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau:

1. Cố ý kê khai, nhập, duyệt dữ liệu tài sản nhà nước vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước không đúng quy định, làm sai lệch số liệu tài sản nhà nước;

2. Sử dụng số liệu về tài sản nhà nước trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước vào mục đích cá nhân mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý cơ sở dữ liệu đó cho phép.

#### **Điều 20. Xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài**

1. Hành vi vi phạm, hình thức và mức phạt các hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được thực hiện theo quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 và 19 Nghị định này.

2. Việc xác định hành vi vi phạm liên quan đến trình tự, thủ tục về đầu tư, mua sắm, trang bị, bán, điều chuyển, thanh lý và tiêu hủy tài sản nhà nước của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được căn cứ vào quy định tại các văn bản sau:

a) Công ước Viên năm 1961 về quan hệ ngoại giao;

b) Hiệp định ký kết giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước sở tại;

c) Pháp luật của nước sở tại;

d) Pháp luật của Việt Nam.

Trường hợp giữa các văn bản nêu trên không thống nhất thì lựa chọn thực hiện theo thứ tự từ trên xuống dưới.

### **Mục 2**

#### **HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN**

**CỦA CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN  
PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

**Điều 21. Xử phạt tổ chức có hành vi vi phạm quy định về trang cấp tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước**

1. Xử phạt tổ chức có hành vi thực hiện mua sắm tài sản khi chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 7 Nghị định này.

2. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi không thoả thuận với cơ quan có thẩm quyền trước khi ký kết Điều ước quốc tế cụ thể về ODA về nội dung đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, trang bị xe ô tô khác với quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Xử phạt tổ chức có hành vi không thực hiện mua sắm tập trung đối với các loại tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung theo quy định của pháp luật thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 7 Nghị định này.

4. Xử phạt tổ chức có hành vi mua sắm, trang bị tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 7 Nghị định này.

5. Xử phạt tổ chức có hành vi vi phạm quy định về thuê tài sản để phục vụ công tác quản lý của các dự án sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

**Điều 22. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về sử dụng tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước**

1. Xử phạt tổ chức có hành vi bố trí, sử dụng tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước vượt tiêu chuẩn, định mức thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

2. Xử phạt tổ chức có hành vi bố trí, sử dụng tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước không đúng mục đích thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

3. Xử phạt tổ chức có hành vi cho mượn tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước không đúng quy định thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.

4. Xử phạt tổ chức có hành vi biếu, tặng cho, trao đổi tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước không đúng quy định thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

5. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi lấn chiếm trụ sở làm việc của Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

6. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

7. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi sử dụng tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết không đúng quy định thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

8. Xử phạt tổ chức có hành vi không thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước theo quy định của pháp luật và dự toán được giao thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

**Điều 23. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định về xử lý tài sản của các dự án khi dự án kết thúc hoặc không còn nhu cầu sử dụng**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức có một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện kiểm kê, báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý tài sản theo thời hạn quy định;

b) Không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với các tài sản do các chuyên gia ODA, nhà thầu tư vấn, giám sát chuyển giao cho Chính phủ Việt Nam theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức có một trong các hành vi sau đây:

a) Thiếu trách nhiệm trong việc bảo quản tài sản gây hư hỏng, thất thoát tài sản;

b) Tháo dỡ, thay đổi kết cấu, phụ tùng, linh kiện của tài sản.

3. Xử phạt tổ chức có hành vi xử lý tài sản khi chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 17 Nghị định này.

4. Xử phạt tổ chức có hành vi kê khai không đúng danh mục, hiện trạng tài sản đề nghị xử lý thực hiện theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 17 Nghị định này.

5. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về tổ chức xử lý tài sản đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

### **Mục 3**

#### **HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU CỦA NHÀ NƯỚC, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

**Điều 24. Xử phạt tổ chức có hành vi vi phạm quy định về xác lập quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, bảo quản, chuyển giao tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức có một trong các hành vi sau đây:

a) Không báo cáo cấp có thẩm quyền để xác lập quyền sở hữu tài sản của Nhà nước theo quy định;

b) Vi phạm quy định về thời hạn chuyển giao, hồ sơ chuyển giao tài sản cho các cơ quan chức năng để xử lý.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức có một trong các hành vi sau đây:

a) Thiểu trách nhiệm trong việc bảo quản tài sản gây hư hỏng, thất thoát tài sản;

b) Tháo dỡ, thay đổi kết cấu, phụ tùng, linh kiện của tài sản.

3. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức vi phạm quy định tại Điều này còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải bồi thường bằng tiền hoặc tài sản có công năng sử dụng tương đương với tài sản ban đầu;

c) Bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra thất thoát, hư hỏng tài sản.

**Điều 25. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi vi phạm quy định về thời hạn lập phương án xử lý tài sản theo quy định của pháp luật.

Ngoài hình thức xử phạt chính, tổ chức vi phạm còn bị buộc phải thực hiện lập phương án xử lý tài sản để báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.

2. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về tổ chức xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

#### **Mục 4**

### **THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC**

#### **Điều 26. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, đến 10.000.000 đồng với tổ chức;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Mục 1, 2 và 3 Chương này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân, đến 50.000.000 đồng với tổ chức;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Mục 1, 2 và 3 Chương này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại các Mục 1, 2 và 3 Chương này;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Mục 1, 2 và 3 Chương này.

### **Điều 27. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra**

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng đối với cá nhân, đến 1.000.000 đồng với tổ chức;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này.

2. Chánh Thanh tra cấp sở, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân, đến 50.000.000 đồng với tổ chức;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Mục 1, 2 và 3 Chương này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp bộ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng đối với cá nhân, đến 70.000.000 đồng với tổ chức;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Mục 1, 2 và 3 Chương này.

4. Chánh Thanh tra cấp bộ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại các Mục 1, 2 và 3 Chương này;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Mục 1, 2 và 3 Chương này.

### **Điều 28. Thẩm quyền áp dụng biện pháp thu hồi tài sản nhà nước**

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 26 và Điều 27 Nghị định này quyết định áp dụng biện pháp thu hồi tài sản nhà nước theo thẩm quyền quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; trường hợp vượt thẩm quyền thì báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước để ra quyết định thu hồi.

### **Điều 29. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước**

Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước là cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

## **Chương III**

### **XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

#### **Mục 1**

### **HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

**Điều 30. Xử phạt hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước gây lãng phí**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng phương tiện đi lại, thiết bị làm việc, sử dụng điện nước gây lãng phí.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng điện nước vượt quá tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan có thẩm quyền ban hành gây lãng phí.

Đối với hành vi sử dụng phương tiện đi lại, phương tiện thiết bị làm việc vượt quá tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan có thẩm quyền ban hành gây lãng phí thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sai mục đích, không đúng với nội dung chương trình đã được phê duyệt.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trùng lặp với các nguồn kinh phí khác gây lãng phí.

5. Ngoài hình thức xử phạt chính, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả sau:

a) Buộc thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước;

b) Buộc thực hiện đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

**Điều 31. Xử phạt hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng các dự án sử dụng ngân sách nhà nước, tiền, tài sản nhà nước gây lãng phí**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về quản lý trong việc lập, thẩm định dự án đầu tư gây lãng phí.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về quản lý trong khảo sát, thiết kế xây dựng công trình gây lãng phí.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về quản lý trong lựa chọn nhà thầu, tổ chức tư vấn giám sát thực hiện dự án đầu tư gây lãng phí.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về quản lý trong tổ chức lễ động thổ, lễ khởi công lễ khánh thành công trình xây dựng gây lãng phí.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về quản lý trong cấp, thanh toán và quyết toán vốn cho dự án đầu tư gây lãng phí.

6. Phạt tiền với mức 0,1% giá trị khảo sát thiết kế nhưng không quá 100.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện khảo sát, thiết kế xây dựng công trình không đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành gây lãng phí.

7. Ngoài hình thức phạt tiền, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả sau:

a) Buộc thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng;

b) Buộc thực hiện đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

**Điều 32. Xử phạt tổ chức có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về quản lý trụ sở làm việc của tổ chức sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước gây lãng phí.

Đối với hành vi vi phạm quy định về định mức, tiêu chuẩn chế độ trong sử dụng trụ sở làm việc của tổ chức sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước gây lãng phí thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

2. Ngoài hình thức phạt tiền, tổ chức vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau:

a) Buộc thực hiện đúng các quy định về quản lý, sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước;

b) Buộc thực hiện đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

**Điều 33. Xử phạt hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp**

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng vốn và các quỹ trong công ty nhà nước gây lãng phí.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi quyết định mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản cố định, vật tư và các tài sản khác trong công ty nhà nước không đúng với quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản nhà nước, quản lý đầu tư xây dựng, vượt quá định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi quản lý, sử dụng các khoản chi phí trong công ty nhà nước không đúng định mức, đơn giá, tiêu chuẩn, chế độ quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Ngoài hình thức phạt tiền, người có hành vi vi phạm các quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả sau:

a) Buộc thực hiện đúng quy định về quản lý vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp;

b) Buộc thực hiện đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

**Điều 34. Áp dụng hình thức, mức xử phạt theo các quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực có liên quan**

Các hành vi vi phạm hành chính về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực khác mà theo pháp luật hiện hành đã quy định cụ thể hình thức, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả thì việc xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo các quy định đó. Một số lĩnh vực thực hiện như sau:

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí liên quan đến lĩnh vực đất đai thì bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu khoa học

mà chưa có quy định xử phạt tại Nghị định này thì bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học công nghệ.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí liên quan đến lĩnh vực quản lý, đầu tư xây dựng các dự án sử dụng ngân sách nhà nước, sử dụng và quản lý trụ sở làm việc mà chưa có quy định xử phạt tại Nghị định này thì bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý hành chính trong lĩnh vực hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý, sử dụng nhà.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí liên quan đến lĩnh vực khai thác, sử dụng tài nguyên nước thì bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí liên quan đến lĩnh vực thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản thì bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí liên quan đến lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản thì bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

7. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí liên quan đến việc chấp hành kỷ luật lao động thì bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong chấp hành pháp luật lao động.

## **Mục 2**

### **THẨM QUYỀN XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LẮNG PHÍ**

#### **Điều 35. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân, đến 50.000.000 đồng với tổ chức;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Mục 1 Chương này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại Mục 1 Chương này;
- c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Mục 1 Chương này.

### **Điều 36. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra**

1. Chánh Thanh tra sở, các chức danh tương đương được Chính phủ giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân, đến 50.000.000 đồng với tổ chức;
- c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Mục 1 Chương này.

2. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp bộ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng đối với cá nhân, đến 70.000.000 đồng với tổ chức;
- c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Mục 1 Chương này.

3. Chánh Thanh tra bộ và các chức danh tương đương được Chính phủ giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại Mục 1 Chương này;
- c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Mục 1 Chương này.

### **Điều 37. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

## **Chương IV** **XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC DỰ TRỮ QUỐC GIA**

### **Mục 1** **HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC DỰ TRỮ QUỐC GIA, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

**Điều 38. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về sử dụng quỹ dự trữ quốc gia là tiền**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không thực hiện báo cáo việc sử dụng tiền xuất từ quỹ dự trữ quốc gia để mua hàng dự trữ quốc gia theo quy định.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện việc mua hàng dự trữ quốc gia khi đã có đủ các điều kiện theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- a) Sử dụng quỹ dự trữ quốc gia là tiền không đúng mục đích;
- b) Không nộp số tiền còn lại sau khi đã thực hiện xong việc mua hàng dự trữ quốc gia theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định về quản lý tiền được xuất từ quỹ dự trữ quốc gia.

4. Ngoài hình thức phạt tiền, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm các quy định tại khoản 3 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính.

**Điều 39. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về sử dụng quỹ dự trữ quốc gia là hàng hoá**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng hàng dự trữ quốc gia không đúng mục đích theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có giá trị từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng hàng dự trữ quốc gia không đúng mục đích theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có giá trị từ trên 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng hàng dự trữ quốc gia không đúng mục đích theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có giá trị từ trên 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng hàng dự trữ quốc gia không đúng mục đích theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có giá trị từ trên 150.000.000 đồng trở lên.

5. Ngoài hình thức phạt tiền, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm các quy định tại Điều này còn bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính;

b) Buộc thu hồi hàng dự trữ quốc gia không đảm bảo chất lượng, chủng loại, quy cách, tiêu chuẩn và số lượng theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 40. Xử phạt hành vi vi phạm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc yêu cầu kỹ thuật bảo quản tạm thời về bảo quản hàng dự trữ quốc gia**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không làm thủ tục nhập kho hàng dự trữ quốc gia;

b) Không mở sổ sách theo dõi về chất lượng, số lượng, chủng loại hàng dự trữ quốc gia trong quá trình bảo quản;

c) Không thực hiện các báo cáo định kỳ và đột xuất liên quan đến bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc yêu cầu kỹ thuật bảo quản tạm thời về bảo quản hàng dự trữ quốc gia do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

b) Không chấp hành đúng quy định về thời hạn bảo quản hàng dự trữ quốc gia;

c) Bảo quản hàng dự trữ quốc gia không đúng về các địa điểm đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc yêu cầu kỹ thuật bảo quản tạm thời về bảo quản hàng dự trữ quốc gia do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và gây ra thiệt hại về hàng dự trữ quốc gia có giá trị từ 40.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng;

b) Không chấp hành đúng quy định về thời hạn bảo quản hàng dự trữ quốc gia và gây ra thiệt hại về hàng dự trữ quốc gia có giá trị từ 40.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng;

c) Bảo quản hàng dự trữ quốc gia không đúng về các địa điểm đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và gây ra thiệt hại về hàng dự trữ quốc gia có giá trị từ 40.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc yêu cầu kỹ thuật bảo quản tạm thời về bảo quản hàng dự trữ quốc gia do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và gây thiệt hại về hàng dự trữ quốc gia có giá trị từ trên 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng;

b) Không chấp hành đúng quy định về thời hạn bảo quản hàng dự trữ quốc gia và gây ra thiệt hại về hàng dự trữ quốc gia có giá trị từ trên 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng;

c) Bảo quản hàng dự trữ quốc gia không đúng về các địa điểm đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và gây ra thiệt hại về hàng dự trữ quốc gia có giá trị từ trên 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 3 và 4 Điều này mà gây ra thiệt hại có giá trị từ trên 150.000.000 đồng trở lên..

6. Ngoài hình thức phạt tiền, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc thực hiện đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc yêu cầu kỹ thuật bảo quản tạm thời, thời hạn bảo quản hàng dự trữ quốc gia;

b) Buộc bảo quản hàng dự trữ quốc gia đúng các địa điểm đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính.

#### **Điều 41. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về phương thức mua, bán hàng dự trữ quốc gia**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thông báo hoặc niêm yết công khai đối tượng tham gia mua, bán; phương thức mua, bán; giá mua, bán; thời hạn mua, bán; số lượng, chủng loại, quy cách, tiêu chuẩn, chất lượng hàng dự trữ quốc gia theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (trừ trường hợp hàng dự trữ quốc gia không được phép công khai, niêm yết công khai);

b) Mua, bán hàng dự trữ quốc gia không đúng về số lượng, chủng loại, quy cách, tiêu chuẩn, chất lượng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành về phương thức mua, bán đối với từng loại hàng dự trữ quốc gia;

b) Mua, bán hàng dự trữ quốc gia khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Tiếp tục mua, bán hàng dự trữ quốc gia khi thời hạn về mua, bán hàng dự trữ quốc gia đã hết hiệu lực.

3. Ngoài hình thức phạt tiền, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do hành vi vi phạm hành chính gây ra.

**Điều 42. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia**

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thủ tục nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia theo quy định.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia không đúng về chủng loại, quy cách, số lượng, chất lượng, thời gian, địa điểm đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia khi chưa có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về điều chuyển nội bộ hàng dự trữ quốc gia.

5. Ngoài hình thức phạt tiền, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm các quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính;

b) Buộc thu hồi hàng dự trữ quốc gia đã xuất cấp, điều chuyển không đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 43. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về cấp phát, cứu trợ hàng dự trữ quốc gia**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không thực hiện các thủ tục cấp phát, cứu trợ hàng dự trữ quốc gia trong thời gian quy định.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không tiếp nhận hàng dự trữ quốc gia (hàng dự trữ quốc gia được xuất cho cứu trợ hay để thực thi một nhiệm vụ khác của cơ quan có thẩm quyền) khi hàng đã có đầy đủ các điều kiện theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi chậm trễ, trì hoãn trong việc cấp phát, cứu trợ hàng dự trữ quốc gia theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cấp phát, cứu trợ hàng dự trữ quốc gia không đúng đối tượng theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có giá trị từ 40.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng;

b) Làm thất thoát hàng dự trữ quốc gia dùng để cấp phát, cứu trợ hoặc để thực thi một nhiệm vụ khác có giá trị từ 40.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng;

c) Cấp phát, cứu trợ hàng dự trữ quốc gia không đảm bảo về chất lượng, chủng loại, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách có giá trị từ 40.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cấp phát, cứu trợ hàng dự trữ quốc gia không đúng đối tượng theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có giá trị từ trên 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng;

b) Làm thất thoát hàng dự trữ quốc gia dùng để cấp phát, cứu trợ hoặc để thực thi một nhiệm vụ khác có giá trị từ trên 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng;

c) Cấp phát, cứu trợ hàng dự trữ quốc gia không đảm bảo về chất lượng, chủng loại, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách có giá trị từ trên 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng.

6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm tại các khoản 4 và khoản 5 Điều này mà gây ra thiệt hại có giá trị từ trên 150.000.000 đồng trở lên.

7. Ngoài hình thức phạt tiền, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm các quy định tại khoản 3, điểm a và c khoản 4, điểm a và c khoản 5 và khoản 6 Điều này còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính;

c) Buộc thu hồi hàng dự trữ quốc gia do cấp phát, cứu trợ không đúng đối tượng hoặc để thực thi một nhiệm vụ khác không đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Buộc thu hồi hàng dự trữ quốc gia không đảm bảo chất lượng, chủng loại, quy cách, tiêu chuẩn theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

**Điều 44. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về tiếp nhận, phân phối hàng dự trữ quốc gia sau khi xuất kho dự trữ quốc gia (trừ hàng dự trữ quốc gia sử dụng một lần hay xuất bán)**

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không tiếp nhận hàng dự trữ quốc gia theo đúng thời gian, địa điểm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

b) Không tiếp nhận hàng dự trữ quốc gia khi hàng đã có đầy đủ các thủ tục, điều kiện giao, nhận theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định về thủ tục, trình tự tiếp nhận hàng dự trữ quốc gia;

d) Giao hàng không đúng về số lượng, chủng loại, quy cách, tiêu chuẩn, chất lượng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Phân phối hàng dự trữ quốc gia không đúng đối tượng theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Phân phối hàng dự trữ quốc gia không đúng thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi chậm chễ, trì hoãn trong việc phân phối hàng dự trữ quốc gia theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Ngoài hình thức phạt tiền, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm các quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tiếp nhận và phân phối hàng dự trữ quốc gia theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 45. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về thanh toán, sử dụng vốn, phí dùng để mua, bán, bảo quản hàng dự trữ quốc gia**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- a) Thanh toán khi chưa có hợp đồng mua, bán hàng dự trữ quốc gia;
- b) Thanh toán khi hàng không đảm bảo đúng về tiêu chuẩn, chất lượng, số lượng; hàng không có đầy đủ hoá đơn, chứng từ;
- c) Thanh toán khi chưa có biên bản thanh lý hợp đồng hoặc bảng kê chứng từ nhập kho có chữ ký của Thủ trưởng đơn vị đối với các trường hợp mua trực tiếp không qua đấu thầu;
- d) Thanh toán khi chưa được Thủ trưởng đơn vị dự trữ quốc gia chuẩn chỉ.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- a) Sử dụng phí nhập, phí xuất, phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia vượt định mức quy định;
- b) Sử dụng phí nhập, phí xuất, phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia không đúng nội dung, mục đích.

3. Ngoài hình thức phạt tiền, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính.

#### **Điều 46. Xử phạt hành vi vi phạm cơ sở vật chất - kỹ thuật, kho bảo quản hàng dự trữ quốc gia**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi xâm phạm trái phép vào cơ sở vật chất - kỹ thuật, kho bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi cố ý làm sai lệch độ chính xác của các thiết bị, dụng cụ đo lường, kiểm nghiệm chất lượng hàng dự trữ quốc gia.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi đập, phá hoặc làm thiệt hại về cơ sở vật chất - kỹ thuật, kho bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

4. Ngoài hình thức phạt tiền quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính nghiêm trọng do lỗi cố ý bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm cơ sở vật chất - kỹ thuật, kho bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

5. Ngoài hình thức xử phạt chính và xử phạt bổ sung quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm các quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc khôi phục lại nguyên trạng kho tàng, cơ sở vật chất - kỹ thuật dự trữ quốc gia;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật.

#### **Điều 47. Xử phạt hành vi cản trở hoạt động dự trữ quốc gia**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm mà chưa gây ra thiệt hại về hàng dự trữ quốc gia sau đây:

a) Cản trở hoạt động nhập, xuất, vận chuyển hàng dự trữ quốc gia;

b) Cản trở hoạt động cất giữ, bảo quản, luân chuyển hàng dự trữ quốc gia;

c) Cản trở hoạt động cấp phát, cứu trợ hoặc để thực thi một nhiệm vụ khác về dự trữ quốc gia.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm mà đã gây ra thiệt hại về hàng dự trữ quốc gia sau đây:

a) Cản trở hoạt động nhập, xuất, vận chuyển hàng dự trữ quốc gia;

b) Cản trở hoạt động cất giữ, bảo quản, luân chuyển hàng dự trữ quốc gia;

c) Cản trở hoạt động cấp phát, cứu trợ hoặc để thực thi một nhiệm vụ khác về dự trữ quốc gia.

3. Ngoài hình thức xử phạt chính quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính nghiêm trọng do lỗi cố ý bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để cản trở hoạt động dự trữ quốc gia.

4. Ngoài hình thức xử phạt chính và xử phạt bổ sung quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm các quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều này còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc chấm dứt tình trạng cản trở đến hoạt động dự trữ quốc gia;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật.

**Điều 48. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kinh doanh, cầm cố, thế chấp, cho thuê, khai thác trái phép tài sản thuộc dự trữ quốc gia**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh, cầm cố, thế chấp, cho thuê, khai thác trái phép tài sản thuộc dự trữ quốc gia không phải là kho dự trữ quốc gia có giá trị đến 70.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh, cầm cố, thế chấp, cho thuê, khai thác trái phép kho bảo quản hàng dự trữ quốc gia có giá trị đến 70.000.000 đồng.

3. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này mà tài sản thuộc dự trữ quốc gia không phải là kho dự trữ quốc gia có giá trị từ trên 70.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm tại khoản 2 Điều này mà kho bảo quản hàng dự trữ quốc gia có giá trị từ trên 70.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này mà tài sản thuộc dự trữ quốc gia không phải là kho dự trữ quốc gia có giá trị từ trên 150.000.000 đồng trở lên.

6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm tại khoản 2 Điều này mà kho bảo quản hàng dự trữ quốc gia có giá trị từ trên 150.000.000 đồng trở lên.

7. Ngoài hình thức phạt tiền, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc khôi phục lại nguyên trạng kho tàng, cơ sở vật chất - kỹ thuật dự trữ quốc gia;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính.

**Mục 2**

**THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH  
TRONG LĨNH VỰC DỰ TRỮ QUỐC GIA**

**Điều 49. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dự trữ quốc gia**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này trong phạm vi quản lý của địa phương mình.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 44; Điều 45; khoản 1 và khoản 3 Điều 47; khoản 1 Điều 48 và khoản 1 Điều 49 Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này và khoản 4, khoản 5 Điều 44; khoản 2 Điều 48; các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 49 Nghị định này.

4. Ngoài quy định tại khoản 2 và 3 Điều này, những người khác có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dự trữ quốc gia, trong phạm vi thẩm quyền của mình, có quyền xử phạt đối với tất cả các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này.

**Điều 50. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, đến 10.000.000 đồng với tổ chức;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 5 Điều 46, điểm a khoản 4 Điều 47, điểm a khoản 7 Điều 48 của Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân, đến 50.000.000 đồng với tổ chức;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Mục 1 Chương này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại Mục 1 Chương này;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Mục 1 Chương này.

### **Điều 51. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra**

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực dự trữ quốc gia đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng đối với cá nhân, đến 1.000.000 đồng với tổ chức;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Mục 1 Chương này.

2. Chánh Thanh tra sở, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực dự trữ quốc gia và Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước ra quyết định thành lập Đoàn thanh tra có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân, đến 50.000.000 đồng với tổ chức;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Mục 1 Chương này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp bộ thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực dự trữ quốc gia có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng đối với cá nhân, đến 70.000.000 đồng với tổ chức;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Mục 1 Chương này.

#### 4. Chánh Thanh tra cấp bộ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại Mục 1 Chương này;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Mục 1 Chương này.

### **Điều 52. Thẩm quyền xử phạt của Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực, Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước**

1. Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực dự trữ quốc gia có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng đối với cá nhân, đến 70.000.000 đồng với tổ chức;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Mục 1 Chương này.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ nhà nước thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực dự trữ quốc gia có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại Mục 1 Chương này;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Mục 1 Chương này.

**Điều 53. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực dự trữ quốc gia**

Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực dự trữ quốc gia là cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành pháp luật về dự trữ quốc gia và người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dự trữ quốc gia.

**Chương V**

**XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC  
KIỂM SOÁT CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC**

**Mục 1**

**HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC,  
HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

**Điều 54. Xử phạt đối với tổ chức vi phạm quy định khoản chi ngân sách phải có trong dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng với tổ chức có hành vi gửi hồ sơ đề nghị Kho bạc Nhà nước thanh toán, chi trả ngân sách nhà nước khi chưa có dự toán hoặc sai dự toán được cấp có thẩm quyền giao hoặc dự toán do Kho bạc Nhà nước, cơ quan tài chính tạm cấp cho đơn vị (trừ trường hợp chi dự phòng ngân sách, chi thường vượt thu theo quy định của Luật ngân sách nhà nước).

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi đề nghị thanh toán, chi trả ngân sách nhà nước cho khối lượng công việc chưa thực hiện.

3. Ngoài hình thức xử phạt chính, tổ chức có hành vi vi phạm còn bị buộc thu hồi đối với các khoản đã chi sai chế độ quy định.

**Điều 55. Xử phạt tổ chức có hành vi vi phạm quy định về quyết định chi ngân sách nhà nước**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi đề nghị Kho bạc Nhà nước chi ngân sách nhà nước không đúng thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi đề nghị Kho bạc Nhà nước chi ngân sách nhà nước sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

3. Ngoài hình thức xử phạt chính, tổ chức có hành vi vi phạm còn bị buộc thu hồi đối với các khoản đã chi sai chế độ quy định.

**Điều 56. Xử phạt tổ chức có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu đối với những khoản chi ngân sách phải thực hiện đấu thầu**

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi đề nghị Kho bạc nhà nước thanh toán, chi trả các khoản chi ngân sách nhà nước mà theo quy định đơn vị phải thực hiện các thủ tục đấu thầu nhưng đơn vị không làm thủ tục đấu thầu.

2. Ngoài hình thức phạt tiền, tổ chức vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau:

a) Bị buộc thu hồi đối với các khoản đã chi sai chế độ quy định;

b) Buộc phải thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về đấu thầu đối với khoản chi ngân sách nhà nước phải đấu thầu trước khi đề nghị Kho bạc Nhà nước thanh toán, chi trả.

**Mục 2**

**HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC KIỂM SOÁT CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

**Điều 57. Xử phạt tổ chức có hành vi vi phạm quy định về hồ sơ, chứng từ kiểm soát chi ngân sách nhà nước**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi gửi hồ sơ, chứng từ không hợp lệ, hợp pháp đến Kho bạc Nhà nước đề nghị chi ngân sách, mà trước đó Kho bạc nhà nước đã có thông báo từ chối thanh toán.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi lập hồ sơ, chứng từ giả mạo đến Kho bạc Nhà nước để đề nghị chi ngân sách nhà nước.

3. Ngoài hình thức xử phạt quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, tổ chức vi phạm còn bị buộc thu hồi khoản đã chi sai chế độ quy định.

**Điều 58. Xử phạt tổ chức có hành vi vi phạm chế độ thanh toán**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với các hành vi sau:

a) Đề nghị chuyển tiền thanh toán không đúng tên hoặc tài khoản đơn vị thu hưởng đã được ghi trong hợp đồng hoặc phụ lục điều chỉnh hợp đồng;

b) Đề nghị chi ngân sách nhà nước bằng tiền mặt vi phạm chế độ thanh toán bằng tiền mặt qua Kho bạc Nhà nước.

2. Phạt tiền từ 2.000.0000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi đề nghị thanh toán không phù hợp với các điều khoản thanh toán đã được quy định trong hợp đồng giữa đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư với nhà cung cấp hàng hoá, dịch vụ.

### **Điều 59. Xử phạt tổ chức có hành vi vi phạm thủ tục kiểm soát cam kết chi**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không làm thủ tục kiểm soát cam kết chi với Kho bạc Nhà nước đối với các khoản chi thuộc phạm vi phải thực hiện cam kết chi theo chế độ quy định.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi gửi hồ sơ đề nghị cam kết chi đến Kho bạc Nhà nước không đảm bảo các điều kiện thực hiện cam kết chi theo chế độ quy định.

### **Điều 60. Xử phạt tổ chức có hành vi vi phạm thời hạn thanh toán tạm ứng ngân sách nhà nước**

Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm thời hạn thanh toán tạm ứng các khoản chi ngân sách nhà nước theo chế độ quy định.

## **Mục 3**

### **THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KIỂM SOÁT CHI QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC**

#### **Điều 61. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra**

1. Thanh tra viên tài chính, công chức Kho bạc Nhà nước được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000 đồng;

2. Chánh thanh tra Sở Tài chính có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Mục 1 và Mục 2 Chương này.

4. Chánh thanh tra Bộ Tài chính có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Mục 1 và Mục 2 Chương này.

**Điều 62. Thẩm quyền xử phạt của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

1. Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Mục 1 và Mục 2 Chương này.

2. Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Mục 1 và Mục 2 Chương này.

**Điều 63. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước**

Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước là cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ kiểm soát chi, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước và người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước.

## **Chương VI** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 64. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.
2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các quy định dưới đây hết hiệu lực thi hành:
  - a) Nghị định số 66/2012/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;
  - b) Nghị định số 25/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dự trữ quốc gia;
  - c) Các Điều 24, 25, 26 và Mục 1, Mục 2, Mục 3 Chương III Nghị định số 84/2006/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2006 quy định về bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

### **Điều 65. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị định này.
2. Các Bộ cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện và kiểm tra việc thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước theo quy định tại Nghị định này.
3. Các cơ quan chức năng của Nhà nước, các tổ chức, cá nhân khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm chuyển hồ sơ (nếu có) hoặc thông báo tới người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này để xem xét, xử lý.

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này có trách nhiệm xem xét, xử phạt theo quy định.

Cá nhân, tổ chức có thành tích trong việc phát hiện, đấu tranh phòng, chống vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kiểm soát chi ngân sách

nhà nước qua Kho bạc Nhà nước được khen thưởng theo chế độ chung của Nhà nước.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP; Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (5b)

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Tấn Dũng**